



MACRO VIEW

**KINH TẾ VĨ MÔ THẾ GIỚI & VIỆT NAM
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

SỐ 9.2026

MỤC LỤC

Kinh tế thế giới.....	4
Kinh tế Việt Nam.....	5

Ấn phẩm dành riêng cho khách hàng BIDV Private Banking

NỘI DUNG

Kinh tế thế giới tháng 9 và 9T/2026 duy trì khả năng chống chịu song đà phục hồi còn chậm, phân hóa và rủi ro gia tăng. Đầu tư vào công nghệ cao (AI, trung tâm dữ liệu, năng lượng...) tiếp tục là động lực tăng trưởng mới; song xung đột địa chính trị, cạnh tranh thương mại - công nghệ, áp lực giá cả và lạm phát gia tăng khiến chính sách tiền tệ thận trọng hơn, lãi suất tăng hoặc neo cao. Bên cạnh đó, rủi ro nợ công và nợ tư còn ở mức cao; rủi ro an ninh năng lượng - lương thực - chuỗi cung ứng, an ninh mạng - dữ liệu, thiên tai, thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu vẫn tiềm ẩn, thách thức đà phục hồi của KTTG trong những tháng cuối năm 2026 và năm 2027.

Kinh tế Việt Nam 9T/2026 ghi nhận **nhiều điểm sáng**: GDP 9T tăng cao nhất trong 15 năm, các động lực tăng trưởng khá đồng đều; thu ngân sách tăng khá, tạo thêm dư địa cho chính sách tài khóa và đầu tư công; tỷ giá cơ bản ổn định, tín dụng tăng khá; TTCK được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp.

Mặc dù vậy, **một số thách thức** vẫn tiềm ẩn đối với kinh tế Việt Nam: một số đầu tàu kinh tế và khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ tăng trưởng còn thấp; khu vực DN tiếp tục phân hóa; nhập siêu hàng hóa và dịch vụ còn cao (27,6 tỷ USD); lạm phát cao, vượt mục tiêu điều hành (4,5%); nhu cầu vốn lớn trong khi huy động qua thị trường vốn còn hạn chế, thanh khoản TTCK giảm và áp lực trái phiếu DN đáo hạn còn lớn.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu KTVM 9 tháng năm 2023-2026, dự báo 2026

Các chỉ tiêu	9T/2023	9T/2024	9T/2025	9T/2026	DB 2026
Tăng trưởng GDP (% , YoY)	4,41	6,91	7,85	9,01	9,5 - 9,7
CPI bình quân (% , YoY)	3,16	3,88	3,27	4,52	4,5 - 4,7
Chỉ số SXCN - IIP (% , YoY)	0,3	8,4	9,1	12,3	13 - 15
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	4.359,8 (+11,2%)	4.757,3 (+9,1%)	5.224,9 (+9,8%)	5.925,7 (+13,4%)	7.900 – 7.950 (+13→14%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	259,6 (-8,3%)	300,6 (+15,8%)	348,7 (+16%)	434,3 (+24,5%)	551 - 556 (+16→18%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	237,7 (-13,9%)	279,4 (+17,5%)	331,9 (+18,8%)	453,7 (+36,7%)	553 - 560 (+21→23%)
Cán cân thương mại hàng hoá (tỷ USD)	21,9	21,3	16,9	-19,4	(-5) - (-3)
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	22,2 (+18,4%)	24,78 (+11,6%)	28,54 (+15,2%)	50,36 (+76,5%)	55 - 60 (+35→40%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	15,91 (+2,2%)	17,34 (+9%)	18,8 (+8,4%)	21,07 (+12,1%)	31 - 32 (+12→16%)
Tăng trưởng tín dụng (%)	6,96	9,11	13,86	11,59 (30/9)	15 - 16
Biến động tỷ giá (USD/VND YTD, %)	2,84	1,23	3,68	-1,27	0 - 0,5
Số DN thành lập mới	116,9 (+3,6%)	122 (+4,3%)	145 (+18,9%)	149,7 (+3,2%)	226 (+16%)
Số DN quay trở lại hoạt động	48,9 (-3,2%)	61,2 (+25,1%)	86,4 (+41,3%)	74,3 (-14%)	133 (+30%)
Số DN tạm ngừng hoạt động	75,8 (+21,1%)	86,9 (+14,7%)	99,5 (+14,5%)	89,8 (-9,7%)	126 (+10%)
Số DN hoàn tất giải thể	13 (-6,1%)	15,4 (+18,8%)	22,3 (+45%)	48,7 (+118,8%)	52 (+42%)

(*) Đơn vị số DN: Nghìn doanh nghiệp;

Nguồn: Cục Thống kê, dự báo của Viện Nghiên cứu Kinh tế BIDV.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế thế giới 9 tháng 2026 tiếp tục tăng trưởng tốt hơn dự báo dù môi trường kinh tế kém thuận lợi hơn. Một mặt, làn sóng đầu tư vào AI, bán dẫn và hạ tầng số thúc đẩy sản xuất, thương mại công nghệ cao, giúp hỗ trợ tăng trưởng, song xung đột tại Trung Đông, giá năng lượng cao, bất định thương mại và lãi suất cao tạo sức ép lên tăng trưởng và lạm phát.

Tăng trưởng phân hóa giữa các nền kinh tế lớn. **Kinh tế Mỹ tăng trưởng khá**, với PMI sản xuất tháng 9 đạt 54,5 điểm, song áp lực giá còn cao khiến Fed thận trọng hơn. **Eurozone cải thiện** nhờ đầu tư AI, xuất khẩu **song còn phân hoá**, triển vọng chính sách tiền tệ phụ thuộc lớn vào giá năng lượng và lạm phát. **Kinh tế Trung Quốc dần cải thiện**: PMI sản xuất khu vực quốc doanh và tư nhân tháng 9 lần lượt đạt 50,1 và 52,1 điểm, song cầu nội địa, bất động sản và việc làm còn yếu.

Thị trường tài chính, thương mại và hàng hóa quốc tế tiếp tục chịu sức ép từ địa chính trị, lạm phát và lãi suất cao. Giá dầu Brent vượt 100 USD/thùng trong tháng 9, làm gia tăng áp lực lạm phát và khiến chính sách tiền tệ thận trọng hơn; Fed tăng lãi suất lên 3,75-4%, trong khi nhu cầu vay nợ chính phủ lớn đẩy lợi suất TPCP dài hạn tại nhiều nền kinh tế lên cao, làm tăng chi phí vốn và ảnh hưởng dòng vốn đầu tư toàn cầu.

Triển vọng KTTG cuối năm 2026 và năm 2027 được dự báo phục hồi chậm, phân hóa và còn nhiều bất định; **tăng trưởng toàn cầu** dự báo đạt khoảng **2,5-3% năm 2026 và 2,8-3,4% năm 2027**, trong khi **lạm phát** ở mức **4,7% (2026) và 3,9% (2027)**. Các rủi ro chính đến từ địa chính trị - năng lượng, lạm phát và lãi suất cao, căng thẳng thương mại - công nghệ, nợ công, định giá tài sản liên quan AI và biến đổi khí hậu.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế thế giới, 2021-2025, dự báo 2026-2027 (% YoY)

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	DB 2026	DB 2027
Tăng trưởng kinh tế							
Toàn cầu	6,7	3,8	3,3	3,4	3,4	2,5 - 3,0	2,8 - 3,4
Mỹ	5,7	2,5	2,9	2,8	2,1	2,2 - 2,3	2,1 - 2,3
Eurozone	6,4	3,6	0,4	0,9	1,4	0,8 - 1,1	1,0 - 1,5
Trung Quốc	8,6	3,1	5,4	5,0	5,0	4,2 - 4,6	4,1 - 4,5
Các nền kinh tế phát triển	6,1	3,1	1,7	1,8	1,9	1,5 - 1,7	1,7 - 1,8
EMDEs (các nền kinh tế mới nổi & đang phát triển)	6,6	4,2	4,5	4,5	5,3	3,6 - 3,8	4,2 - 4,5
Lạm phát (CPI)							
Toàn cầu	4,7	8,7	6,7	5,8	4,1	4,1 - 4,7	3,6 - 3,9
Các nước phát triển	3,1	7,3	4,6	2,6	2,5	2,9 - 3,2	2,0 - 2,6
EMDEs	5,9	9,7	8,2	8,0	4,2	4,6 - 4,8	3,7 - 4,3
Mỹ	4,7	8,0	4,1	3,0	2,7	3,2 - 3,6	2,4 - 2,6
Eurozone	2,6	8,4	5,4	2,4	2,1	2,9 - 3,0	2,3 - 2,9
Trung Quốc	0,9	2,0	0,2	0,2	0,0	1,2 - 1,4	1,5 - 1,9
Tăng trưởng thương mại thế giới							
Toàn cầu (KL hàng hóa & dịch vụ)	10,8	5,9	0,4	3,8	4,8	2,9 - 3,1	3,3 - 3,8
Toàn cầu (khối lượng hàng hóa)	10,6	5,9	-0,8	2,8	5,4	2,4 - 2,5	3,9 - 4,0

Nguồn: Viện NCKT BIDV tổng hợp từ các tổ chức IMF, WB, và OECD, ADB (T7-9/2026)

KINH TẾ VIỆT NAM

Kết quả tích cực song vẫn tồn tại một số hạn chế:

Các điểm tích cực:

(1) Các động lực tăng trưởng khá đồng đều

GDP 9T/2026 tăng 9,01% YoY và là mức tăng cao nhất trong vòng 15 năm.

Về phía cung, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 11,21% YoY, đóng góp 49,62% vào tăng trưởng GDP; trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đóng góp 33,85% mức tăng GDP; IIP 9T/2026 tăng 12,3% YoY, cao nhất trong 9 năm nhờ các ngành chủ lực duy trì tăng cao (12-36%); khu vực dịch vụ tăng 8,69% YoY, đóng góp 45,03% vào tăng trưởng GDP; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02% YoY, cao nhất trong 8 năm; xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 56,3 tỷ USD, tăng 7,8% YoY.

Về phía cầu, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 9T/2026 đạt 5.925,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,4% YoY. Tích lũy tài sản tăng 17,88% YoY, cao nhất trong 15 năm, đóng góp 56,4% vào tăng trưởng GDP. Lượng khách quốc tế đạt 17,68 triệu lượt (+14,5% YoY); FDI đăng ký đạt 50,36 tỷ USD (+76,5% YoY) và FDI giải ngân đạt 21,07 tỷ USD (+12,1% YoY). Xuất khẩu hàng hóa đạt 434,3 tỷ USD (+24,5% YoY), song một số mặt hàng xuất khẩu truyền thống tăng chậm do cầu thế giới phục hồi chậm, bất định thuế quan, phòng vệ thương mại và yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao.

(2) Tỷ giá cơ bản ổn định, tín dụng tăng khá dù lãi suất neo cao

Tính đến 30/9/2026, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng giảm 1,27% so với cuối 2025. Tỷ giá được hỗ trợ bởi: (i) nguồn cung ngoại tệ từ FDI giải ngân (+12,1% YoY), du lịch, kiều hối và vay ngoại tệ tăng; (ii) nhu cầu ngoại tệ trên thị trường tự do giảm khi chênh lệch giá vàng trong nước-thế giới thu hẹp. Với các yếu tố hỗ trợ tiếp tục duy trì, tỷ giá dự báo tăng không quá 0,5% trong năm 2026.

Tín dụng tăng 11,59% (30/9), cao hơn cùng kỳ giai đoạn 2021-2024 và hướng nhiều vào các lĩnh vực ưu tiên như sản xuất xuất khẩu, năng lượng, hạ tầng, công nghệ cao, nhà ở... Lãi suất liên ngân hàng qua đêm bình quân tháng 9 ở mức 3,45%, giảm 0,8 điểm % so với tháng 8 nhờ các chính sách hỗ trợ của NHNN và huy động vốn tăng tích cực (+9,87% YTD).

(3) Thị trường chứng khoán được nâng hạng

Trong 9T/2026 tổng giá trị huy động vốn qua TTCK đạt 731,6 nghìn tỷ đồng; phát hành TPDN đạt 430,6 nghìn tỷ đồng (+1,9% YoY), tiếp tục bổ sung nguồn vốn trung - dài hạn cho nền kinh tế. Việt Nam chính thức trở thành thị trường mới nổi thứ cấp theo FTSE Russell từ ngày 21/9/2026, qua đó kỳ vọng thu hút thêm khoảng 1,4-1,6 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp trong giai đoạn 2026-2027. Số lượng tài khoản chứng khoán đạt kỷ lục 13,9 triệu tài khoản (+16,9% YoY); hoạt động IPO cũng tăng trở lại và ngày càng có sự tham gia của DN tư nhân trong nhiều lĩnh vực. Việc nâng hạng cùng triển vọng IPO tích cực được kỳ vọng giúp mở rộng khả năng huy động vốn trung - dài hạn qua TTCK và đa dạng hóa nguồn vốn cho DN.

KINH TẾ VIỆT NAM

(4) Thu NSNN tăng khá, tạo dư địa cho mở rộng tài khóa

Thu ngân sách 9T/2026 đạt 2.187 nghìn tỷ đồng (+12,1% YoY, bằng 86,5% dự toán năm) nhờ xuất khẩu, sản xuất công nghiệp, tiêu dùng tăng tích cực trong khi vẫn duy trì các gói hỗ trợ về miễn giảm, gia hạn thuế, phí, tiền thuê đất (khoảng 200 nghìn tỷ đồng, tương đương mức hỗ trợ thực khoảng 101 nghìn tỷ đồng). Chi ngân sách ước đạt 1.874 nghìn tỷ đồng (+14,5% YoY, đạt 59,3% dự toán) chủ yếu do đầu tư công còn chậm và chưa đồng đều, chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi ngân sách (chiếm 60,3%).

Các khó khăn, thách thức:

(1) Một số đầu tàu và khu vực kinh tế tăng trưởng còn thấp so với kế hoạch

Tăng trưởng tại một số địa phương đầu tàu kinh tế trong 9 tháng 2026 chưa đạt mức kỳ vọng, trong đó TP.HCM +9,06%, Hà Nội +8,85%, Huế +8,72% và Cần Thơ +7,89%. Đồng thời, dù duy trì mức tăng khá, khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ vẫn tăng thấp hơn mục tiêu tăng trưởng (trên 10%), đặt ra yêu cầu tăng tốc mạnh hơn trong quý IV để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm.

(2) Các động lực tăng trưởng truyền thống còn nhiều thách thức: (i) Vốn đầu tư từ NSNN 9T/2026 đạt 661,8 nghìn tỷ đồng (+19% YoY), nhưng thấp hơn mức tăng 29,2% YoY cùng kỳ 2025. Tiến độ giải ngân còn phân hóa, với 24 bộ, ngành và 17 địa phương thấp hơn mức bình quân. Đầu tư khu vực tư nhân tăng 14% YoY, cải thiện nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân 17,3% giai đoạn trước Covid-19; (ii) Nhập siêu hàng hoá đạt 19,42 tỷ USD, cao nhất cùng kỳ 9 năm, chủ yếu do nhu cầu mở rộng sản xuất và đầu tư (94,1% kim ngạch NK là tư liệu sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu). Ngoại thương vẫn chủ yếu dựa vào khối FDI (chiếm 80,7% kim ngạch XK và xuất siêu 14,8 tỷ USD), trong khi đó, DN trong nước nhập siêu lớn (34,3 tỷ USD); (iii) Tiêu dùng trong nước phục hồi với tổng mức bán lẻ HH&DV tăng thực 7,8% YoY, vẫn thấp hơn mức cùng kỳ trước dịch Covid-19 (9,03% YoY), cho thấy sức mua còn hạn chế.

(3) Sức ép lạm phát: (i) CPI tháng 9 tăng 0,62% MoM và CPI bình quân 9T/2026 tăng 4,52% YoY, cao nhất trong 12 năm và vượt mục tiêu điều hành khoảng 4,5%, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,26% YoY. Áp lực lạm phát tăng do tác động đồng thời của chi phí đầu vào và nhu cầu trong nước gia tăng; CPI bình quân năm 2026 được dự báo ở mức 4,5 - 4,7%.

(4) Doanh nghiệp còn phân hoá, gặp nhiều khó khăn và áp lực tài chính. (i) Số DN thành lập mới 9T/2026 đạt 149,7 nghìn DN (+3,2% YoY), nhưng số DN quay lại hoạt động giảm 14%, trong khi DN giải thể tăng mạnh 118,8%; DNNVV và hộ kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn về thị trường, chi phí đầu vào, tiếp cận vốn và nguồn lực cho chuyển đổi số, R&D; (ii) Khoảng 77 nghìn tỷ đồng TPDN dự kiến đáo hạn trong QIV/2026 và 253 nghìn tỷ đồng trong 12 tháng tới, tương đương 16,7% tổng dư nợ TPDN đang lưu hành. Lãi suất phát hành ở mức 10-12%/năm tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn, dòng tiền và khả năng trả nợ của DN, đặc biệt là các DN BĐS.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo là sản phẩm do Nhóm chuyên gia, nghiên cứu viên của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thực hiện. Các kết quả, giải thích và nhận định trong báo cáo không phản ánh quan điểm chính thức của BIDV.

BIDV không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc tính thời sự của dữ liệu được sử dụng trong báo cáo, không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tính thiếu nhất quán trong thông tin, dữ liệu, cũng như không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng thông tin, dữ liệu, phương pháp hoặc kết luận đưa ra trong báo cáo.

Không có nội dung nào trong báo cáo này được hiểu hoặc được coi là hạn chế hay từ bỏ các đặc quyền và miễn trừ của BIDV.

QUYỀN VÀ SỰ CHO PHÉP

Nội dung trong Báo cáo đều tuân theo quyền bản quyền. Nhằm mục đích khuyến khích việc phổ biến các kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, BIDV cho phép báo cáo này có thể được sao chép, toàn bộ hoặc một phần, cho mục đích phi thương mại. Tuy nhiên, mọi sao chép, trích dẫn từ Báo cáo cần được nêu đầy đủ nguồn gốc.

ĐẠI DIỆN NHÓM TÁC GIẢ

TS. Cán Văn Lực

Chuyên gia Kinh tế trưởng BIDV
luccv@bidv.com.vn

Nguyễn Thị Minh Thu

Viện Trưởng Viện NCKT
thunm@bidv.com.vn

Phạm Thị Hạnh

Phó Viện Trưởng Viện NCKT
hanh.pt@bidv.com.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Viện nghiên cứu Kinh tế BIDV

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

773 Hồng Hà, Phường Hồng Hà, TP. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 0240.932.0933

Email: viennckt@bidv.com.vn